

Bản án số 75/2017/HSST
Ngày 30 tháng 6 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trường.

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan.
2. Bà Hoàng Thị Hồng.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Ngô Văn Quang – Thư ký Toà án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Ông Nguyễn Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 80/2017/HSST ngày 16/6/2017; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2017/HSST-QĐ ngày 23/6/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **PHẠM THỊ T**, sinh năm 1957;

- Tên gọi khác: Không;

- Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Số nhà A, đường H, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang;

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không;

- Nghề nghiệp: Bán hàng nước; Văn hoá: 7/10;

- Con ông: Phạm Văn Y, sinh năm 1933;

- Con bà: Ngô Thị T, sinh năm 1933;

- Chồng: Nguyễn Thế T sinh năm 1954, hiện trú tại phường Lê, thành phố B, tỉnh Bắc Giang;

- Bị cáo có 2 con, lớn sinh năm 1981, nhỏ sinh năm 1985;

- Gia đình bị can có 07 anh chị em, bị can là con thứ nhất;

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/5/2017 đến ngày 02/6/2017 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (Có mặt).

*** Người làm chứng:**

1. Ông Hoàng Văn B, sinh năm 1979.

Trú tại: thôn A, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.
(Vắng mặt)

2. Ông Dương Văn S, sinh năm 1997.

Trú tại: thôn M, xã S, huyện H, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Hoàng Minh T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: thôn V, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 45 phút ngày 31/5/2017, PHẠM THỊ T sinh năm 1957 đang ngồi bán hàng nước và bán số đề tại nhà Số nhà A, đường H, phường L, thành phố B thì có Hoàng Minh T sinh năm 1996 trú tại thôn V, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Giang đến hỏi mua số đề. PHẠM THỊ T đồng ý bán Hoàng Minh T các số đề như sau: Lô xiên 3 gồm các cặp số: (67, 77, 27); (57, 75, 15); (67, 87, 07) mỗi cặp 20.000 đồng; lô xiên 2 gồm các cặp số: (13, 63); (95, 05) mỗi cặp 20.000 đồng; giải Nhất to gồm các số 43, 44, 24, 14, 04 mỗi số 20.000 đồng; lô điểm gồm các số: 77, 35, 20, 03, 67 mỗi số 02 điểm (mỗi điểm lô tương ứng với 22.500 đồng). Tổng số tiền lô đề Trước bán cho Tiến là 430.000 đồng. Sau khi ghi các số đề trên vào tờ cấp tổng (mặt sau của tờ lịch vạn niên) để theo dõi, Trước chép lại các số đề đã bán vào tờ cấp nhỏ (mặt sau của tờ lịch vạn niên cắt nhỏ) đưa cho Hoàng Minh T. Khi Trước vừa nhận của Tiến số tiền 430.000 đồng thì bị Tổ công tác Công an thành phố B bắt quả tang. Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang bao gồm: 01 tờ cấp đề con (ký hiệu giám định A1); 01 tờ cấp đề tổng (ký hiệu giám định A2); số tiền 8.420.000 đồng.

Cùng ngày 31/5/2017, Cơ quan điều tra đã khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật của PHẠM THỊ T nhưng không thu giữ gì.

Ngày 01/6/2017, Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ viết trên các tờ cấp đã thu giữ khi bắt quả tang PHẠM THỊ T. Tại Kết luận giám định số 828/KL-PC54 ngày 02/6/2017, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: “Chữ viết, chữ số trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với chữ viết của PHẠM THỊ T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người viết ra”.

Tại Cơ quan điều tra, PHẠM THỊ T khai nhận trong ngày 31/5/2017, trước khi bán số lô, số đề cho Hoàng Minh T thì PHẠM THỊ T đã bán số lô, số đề cho những người khách qua đường không quen biết tên tuổi địa chỉ. Trước đã ghi lại những số lô, số đề đã bán trên tờ cấp tổng (mặt sau của tờ lịch vạn niên) để theo dõi theo 9 cột, cụ thể như sau:

- Cột thứ nhất là giải “Hai cửa” tổng số tiền là 698.000 đồng;
- Cột thứ hai là giải “Đặc biệt” tổng số tiền là 452.000 đồng;
- Cột thứ ba là giải “Nhất to” tổng số tiền là 255.000 đồng;
- Cột thứ tư là giải lô điểm = 96 điểm x 22.500 đồng/1 điểm = 2.160.000 đồng;

- Cột thứ năm là giải lô xiên = 550.000 đồng;
- Cột thứ sáu là giải “Hai cửa” tổng số tiền là 354.000 đồng;
- Cột thứ bảy là giải lô điểm = 141 điểm x 22.500 đồng/1 điểm= 3.172.500 đồng;

- Cột thứ tám là giải lô xiên = 260.000 đồng;
- Cột thứ chín là giải lô xiên = 230.000 đồng;

Tổng số tiền bán số lô, số đề trên tờ cấp tổng là 8.131.000 đồng.

Do hành vi bán số đề của PHẠM THỊ T bị phát hiện bắt giữ trước khi có kết quả xổ số nên tổng số tiền đánh bạc của PHẠM THỊ T trong ngày 31/5/2017 là 8.131.000 đồng.

Đối với hành vi đánh bạc của Hoàng Minh T với số tiền là 430.000 đồng không cấu thành tội phạm nên ngày 12/6/2017, Trưởng Công an thành phố B đã quyết định xử phạt vi phạm hành chính (phạt tiền 350.000 đồng). Đối với những người mua số đề khác do không có căn cứ xác minh nên không có căn cứ xử lý.

Quá trình điều tra, PHẠM THỊ T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 86/KSĐT ngày 14/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo PHẠM THỊ T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận như sau: trong ngày 31/5/2017, PHẠM THỊ T đã bán số lô, số đề cho Hoàng Minh T và một số người khác qua đường không quen biết tên tuổi địa chỉ, với tổng số tiền là 8.131.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo PHẠM THỊ T từ 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND phường Lê Lợi, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 8.131.000 đồng là số tiền PHẠM THỊ T bán lô số đề.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo số tiền 289.000 đồng không liên quan đến vụ án nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự phạt bổ sung đối với PHẠM THỊ T số tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang thấy đã có đủ cơ sở kết luận: Trong ngày 31/5/2017, PHẠM THỊ T đã bán số lô, số đề cho Hoàng Minh T và một số người khách qua đường không quen biết tên tuổi địa chỉ, với tổng số tiền là 8.131.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo theo khoản, điều luật như trên là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, việc bán lô, số đề của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của địa phương, gây ảnh hưởng không tốt đến gia đình và xã hội.

Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào được quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thì thấy: Bị cáo lần đầu tiên phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, không có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên cần áp dụng các tình tiết quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo Trước nhất thời phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cần áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự xử bị cáo được hưởng án treo.

Về vật chứng: Cơ quan Công an đã thu giữ 8.420.000 đồng, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 8.131.000 đồng. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo số tiền 289.000 đồng không liên quan đến vụ án nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Hình phạt bổ sung: phạt bị cáo 3.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo PHẠM THỊ T phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự; phạt bị cáo PHẠM THỊ T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, với thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND phường Lê Lợi, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo 3.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 8.131.000 đồng. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo số tiền 289.000 đồng không liên quan đến vụ án nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh Bắc Giang.
- VKSND TP B.
- Công an TP B.
- Chi cục THADS TP.B.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trường